



ĐỒNG NAI PHÁT HUY LỢI THẾ, TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

VÕ VĂN MỘT

Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai

1. Lợi thế, tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Đồng Nai thuộc miền Đông Nam Bộ, nằm trong vùng động lực tăng trưởng kinh tế phía Nam, diện tích tự nhiên 5.866,4 km², dân số trên 2 triệu người. Toàn tỉnh có 11 đơn vị hành chính, gồm thành phố Biên Hoà (trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội của tỉnh), thị xã Long Khánh và 9 huyện. Đồng Nai tiếp giáp với 6 tỉnh, thành phố (TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Thuận, Lâm Đồng, Bình Dương, Bình Phước); có hệ thống giao thông khá thuận lợi với nhiều tuyến giao thông quan trọng quốc gia đi qua như quốc lộ 1, quốc lộ 20, 51, 56 đã và đang được nâng cấp; tuyến đường sắt Bắc Nam đi qua và nhiều tuyến đường liên tỉnh; hệ thống cảng Gò Dầu, cảng Đồng Nai, sân bay Long Thành... tạo thành mạng lưới giao thông thuận tiện cho hoạt động kinh tế trong vùng và cả nước. Đồng Nai nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa có nền đất lý tưởng, kết cấu đất có độ cứng chịu nén tốt, thuận lợi cho việc mở mang, xây dựng các khu công nghiệp; nguồn thủy điện dồi dào (Nhà máy thủy điện Trị An); nguồn tài nguyên và khoáng sản phong phú như rừng, tài nguyên nước; nhiều khoáng sản như vàng, thiếc, kẽm dạng hợp chất sunfur và

carbonate, nhiều mỏ đá, cao lanh, than bùn, đất sét, cát sông... thuận tiện cho việc phát triển các ngành nghề truyền thống như sản xuất vật liệu xây dựng, gốm, mĩ nghệ... Đồng Nai có tiềm năng khá thuận lợi cho việc phát triển du lịch với nhiều cảnh quan thiên nhiên, môi trường hấp dẫn như du lịch miệt vườn, du lịch trên sông, leo núi và nhiều di tích lịch sử nổi tiếng như Chiến khu D, tượng đài đặc công rừng Sác, tượng đài chiến thắng La Ngà, vườn quốc gia Cát Tiên...

2. Thành tựu phát triển kinh tế - xã hội.

Những năm qua, thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VII, Đồng Nai đã đề ra 12 chương trình trọng điểm phát triển kinh tế - xã hội, an ninh-quốc phòng giai đoạn 2001-2005. Qua 4 năm thực hiện (2001-2004), với quan điểm chỉ đạo "phát huy nội lực là quyết định, tranh thủ ngoại lực là quan trọng", kinh tế - xã hội Đồng Nai đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên các mặt sau:

Thứ nhất, kinh tế phát triển với tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm cao và ổn định so với trong vùng và cả nước. Từ năm 2001-2004, bình quân hàng năm GDP tăng trưởng 12,55%/năm. GDP

bình quân đầu người năm 2004 đạt 697 USD. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng: công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp với tỉ trọng tương ứng năm 2004 là 57%-27%-16%. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 17,36%/năm. Giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp và thủy sản tăng bình quân 5,11%/năm. Giá trị tăng thêm của các ngành dịch vụ tăng bình quân 12%/năm. Riêng năm 2004, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đạt 16.804,16 tỉ đồng (giá so sánh với giá cố định năm 1994), tăng 13,56% so với năm 2003, trong đó ngành công nghiệp, xây dựng tăng 16,67%, dịch vụ tăng 12,8%, nông - lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,74%. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2004 đạt 34.128,33 tỉ đồng (giá so sánh với giá cố định năm 1994), so với năm 2003 tăng 18,8%; toàn tỉnh có 22/23 ngành công nghiệp cấp II có mức sản xuất tăng. Giá trị sản xuất nông-lâm nghiệp và thủy sản đạt 5.579,42 tỉ đồng, tăng 5,06% so năm 2003. Giá trị tăng thêm của các ngành dịch vụ đạt 3.883,25 tỉ đồng, tăng 12,8%. Kim ngạch xuất khẩu đạt 2.453,12 triệu USD, tăng 29,4%. Kim ngạch nhập khẩu đạt 3.270 triệu USD, tăng 24,8%. Tổng thu ngân sách ước đạt 6.008,23 tỉ đồng, vượt 15% so với dự toán, tăng 25% so với năm 2003. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện đạt 11.098,814 tỉ đồng, tăng 12,21% so với năm 2003, đạt 111% kế hoạch.

Thứ hai, tạo điều kiện và môi trường thuận lợi để khai thác có hiệu quả tiềm năng các thành phần kinh tế. Tỉnh đã đề ra nhiều giải pháp phù hợp khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân và kinh tế tập thể. Đến cuối năm 2004, toàn tỉnh có 3.100 doanh nghiệp dân doanh đăng kí hoạt động với tổng vốn đầu tư 5.895 tỉ đồng, gồm 1.828 doanh nghiệp tư nhân

với vốn đăng kí 1.139 tỉ đồng; 1.158 công ty trách nhiệm hữu hạn, vốn đăng kí 2.812 tỉ đồng và 114 công ty cổ phần, vốn đăng kí 1.944 tỉ đồng. Các ngành nghề chủ yếu là sản xuất công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ. Trong các năm đã tiến hành chuyển đổi và thành lập mới 135 hợp tác xã (HTX) (riêng năm 2004 là 43 HTX), trong đó có 47 HTX nông nghiệp, 16 HTX công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, 19 quỹ tín dụng nhân dân. Hoạt động của các HTX có những chuyển biến tích cực. Số HTX làm ăn có hiệu quả ngày càng tăng, đã xuất hiện một số mô hình hoạt động mới, hiệu quả cao. Kinh tế tập thể đã và đang khẳng định được vai trò trong nền kinh tế nhiều thành phần.

Việc sắp xếp, cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước có nhiều chuyển biến tích cực. Tính đến cuối năm 2004, toàn tỉnh đã cổ phần hoá được 21 doanh nghiệp nhà nước, tiến hành chuyển đổi được 7 doanh nghiệp sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; sáp nhập 2 doanh nghiệp; lập phương án sắp xếp các nông-lâm trường quốc doanh. Hầu hết các doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hoá và sắp xếp lại đều ổn định, hoạt động sản xuất- kinh doanh đạt hiệu quả cao.

Thứ ba, thực hiện vượt dự toán thu, chi ngân sách hàng năm. Tỉ lệ thu ngân sách trên GDP đạt khá cao, năm sau cao hơn năm trước: năm 2001 là 17,4%, năm 2002 là 22,5%, năm 2003: 23,6% và năm 2004: 25,5% (mục tiêu, kế hoạch của tỉnh bình quân 18% GDP trong giai đoạn 2001-2005). Chi ngân sách hàng năm đều tăng, bình quân mỗi năm tăng 12%, trong đó tỉ lệ chi cho đầu tư phát triển tăng bình quân 27,7%, chiếm tỉ

KINH NGHIỆM THỰC TIỄN

trọng bình quân 37,7% tổng chi hàng năm; chi giáo dục - đào tạo chiếm 23,7% tổng chi hàng năm (chiếm 39,6% chi thường xuyên). Bước đầu đã thực hiện có hiệu quả việc khoán biên chế chi thường xuyên cho các cơ quan, đơn vị.

Thứ tư, tích cực huy động vốn đầu tư phát triển. Trong 4 năm (2001- 2004), tổng vốn đầu tư phát triển thực hiện 34.122 tỉ đồng, bằng 90% kế hoạch 5 năm (2001-2005), trong đó nguồn vốn trong nước chiếm 47,1%. Nguồn vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh, tập trung vào các ngành công nghiệp chế biến, công nghiệp phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu. Cùng với việc cải cách thủ tục hành chính trong cấp phép kinh doanh, tạo môi trường thuận lợi cho các nhà đầu tư trong nước, tỉnh đã đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài. Đến cuối năm 2004, đã thu hút được 600 dự án đầu tư vào các khu công nghiệp của tỉnh với vốn đăng kí 7.157 triệu USD; vốn thực hiện: 3.480 triệu USD, đạt 48,6% tổng vốn đăng kí. Hiện tại, diện tích đất đã cho thuê trong 16 khu công nghiệp (đã được phê duyệt) là 1.851,38 ha, chiếm 55,67% diện tích đất dành cho thuê

Hoạt động xuất, nhập khẩu phát triển mạnh, duy trì ổn định các sản phẩm chủ lực của địa phương như gốm, mĩ nghệ, hàng nông sản, đồ gỗ và mây tre... Đồng thời, khuyến khích phát triển nhanh các mặt hàng xuất khẩu giá trị cao như điện tử, hoá chất... Kim ngạch xuất khẩu tăng nhanh qua các năm. Riêng năm 2004 xuất khẩu tăng 29,4%, nhập khẩu tăng 24,8%. Tỷ trọng hàng xuất khẩu của địa phương qua chế biến đạt trên 70%.

Thứ năm, các hoạt động văn hoá - xã hội có nhiều tiến bộ, đời sống văn hoá, tinh thần của nhân dân được cải thiện,

đáng kể nhất là các huyện miền núi Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc và 16 xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Công tác xoá hộ đói, giảm hộ nghèo, giải quyết việc làm cho người lao động, xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả. Trong 4 năm qua đã tạo việc làm mới cho 297.751 lao động, đạt 91,6% kế hoạch 5 năm (2001-2005), bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho 75.000 người. Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 3,0%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 20%. 100% xã, phường có trường tiểu học, nhà trẻ, mẫu giáo, trạm y tế. Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi đạt 95,2%, số xã, phường được công nhận đạt tiêu chuẩn phổ cập trung học cơ sở đạt 100%. Toàn tỉnh đã có 80% gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá. Tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 93,1%, hộ sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh đạt 87,5%. Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, từng lĩnh vực vẫn còn một số hạn chế, nhất là trong quản lý đất đai, quản lý mặt nước ở một số nơi chưa chặt chẽ. Công tác quản lý quy hoạch và quản lý xây dựng còn nhiều bất cập. Việc triển khai chương trình phát triển các hoạt động dịch vụ tại các khu công nghiệp, đô thị còn chậm và chưa đồng bộ. Công tác quản lý sau cấp phép đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, công tác hậu kiểm sau cấp phép trong lĩnh vực văn hoá vẫn còn những hạn chế. Chất lượng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá chưa cao, xã hội hoá các hoạt động văn hoá chưa phát triển mạnh. Chất lượng giáo dục toàn diện có chuyển biến nhưng chưa vững chắc; sự chênh lệch giữa các vùng, nhất là vùng sâu, vùng xa và vùng đô thị có giảm

nhưng còn nhiều khó khăn. Mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực đã thực hiện đúng kế hoạch nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu.

3. Mục tiêu, giải pháp chủ yếu trong năm 2005 và những năm tới.

Năm 2005 - năm cuối cùng của kế hoạch 5 năm, tỉnh phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ, kế hoạch với những chỉ tiêu chủ yếu: tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) tăng 13,5-14% so với năm 2004. Cơ cấu kinh tế công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp chuyển dịch với tỉ trọng tương ứng là 57%-28%-15%. So với năm 2004, giá trị sản xuất công nghiệp tăng 17,5-18%; giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp và thủy sản tăng từ 4-5%; GDP ngành dịch vụ tăng từ 12,5-13%. Giảm tỉ lệ tăng dân số tự nhiên xuống còn 1,2%. Giải quyết việc làm cho 70.000- 80.000 lao động. Giảm tỉ lệ hộ nghèo đến cuối năm 2005 còn dưới 2%.

Để thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu trên và mục tiêu đề ra đến năm 2010, trong năm 2005 và những năm tới, tỉnh cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

Một là, nâng cao chất lượng của nền kinh tế. Đây là giải pháp hàng đầu và có tính quyết định để tăng cường tính cạnh tranh và phát triển bền vững của nền kinh tế trên các mặt:

- *Về công nghiệp, xây dựng:* tập trung đầu tư, đổi mới công nghệ, nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường. Tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài trên cơ sở lựa chọn các dự án công nghệ cao, không gây ô nhiễm môi trường, sản phẩm có tỉ lệ xuất khẩu cao, có tính cạnh tranh trong khu vực... Tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng, thu hút nhà đầu tư vào các khu công nghiệp tập trung và cụm công nghiệp địa phương. Ưu tiên đầu tư vào 3 khu công nghiệp phía Bắc tỉnh thuộc các

huyện Định Quán, Tân Phú, Xuân Lộc nhằm tạo tiền đề và động lực để chuyển đổi cơ cấu kinh tế. Thực hiện cải cách hành chính, đơn giản hoá và thực hiện nhanh gọn các thủ tục trong cấp phép đầu tư.

- *Về thương mại, dịch vụ:* tập trung quy hoạch ngành thương mại, du lịch, phát triển hệ thống chợ, siêu thị các trung tâm dịch vụ công nghệ cao trong tỉnh như dịch vụ tài chính, ngân hàng, dịch vụ tư vấn, bảo hiểm... mặt khác xây dựng các điểm du lịch hấp dẫn, mở các tua, tuyến du lịch sinh thái, du lịch trên sông Đồng Nai...

- *Về nông nghiệp và phát triển nông thôn:* tập trung quy hoạch các vùng nông sản chuyên canh, vùng cây ăn quả đặc sản của tỉnh; ứng dụng sâu rộng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất. Hình thành các vùng chăn nuôi tập trung tạo ra sản phẩm có tỉ suất hàng hoá cao, chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của nhân dân trong tỉnh, khu vực và xuất khẩu. Thực hiện tốt việc liên kết 4 nhà (nhà nước, nhà nông, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp) từ khâu sản xuất đến khâu tiêu thụ sản phẩm. Đồng thời khuyến khích các làng nghề truyền thống như gốm, thủ công mỹ nghệ..., phát triển, mở rộng giới thiệu sản phẩm ra nước ngoài.

Cùng với quá trình thúc đẩy nền kinh tế phát triển với tốc độ cao, chú trọng phát triển các lĩnh vực xã hội như xây dựng các công trình phúc lợi, xoá đói, giảm nghèo... nhằm giảm sự chênh lệch giữa thành thị và nông thôn. Thông qua các biện pháp hỗ trợ phát triển sản xuất, khuyến khích phát triển kinh tế tập thể và tư nhân, khuyến nông. Kết hợp phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường.

- *Hai là, tăng cường công tác quy hoạch*

KINH NGHIỆM THỰC TIỄN

và thực hiện quản lý theo quy hoạch. Tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện tốt Quyết định số 146/2004/QĐ-TTg ngày 18-3-2004 của Thủ tướng Chính phủ về phương hướng phát triển kinh tế- xã hội vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020. Phối hợp và hợp tác với các tỉnh, thành phố trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam để khai thác và phát huy mạnh mẽ tiềm năng của vùng. Mặt khác, tiến hành rà soát, quy hoạch các đô thị, các khu dân cư, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; quy hoạch phát triển các xã, phường; quy hoạch các vùng sản xuất; quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch xây dựng. Rà soát quy hoạch các ngành dịch vụ: chợ, dịch vụ khu công nghiệp... Công bố công khai các quy hoạch để nhân dân biết và tham gia giám sát thực hiện quy hoạch. Tăng cường tổ chức bộ máy, đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác quy hoạch của các cấp, các ngành, đảm bảo có đủ năng lực làm tốt công tác dự báo.

Ba là, huy động vốn cho đầu tư phát triển, bao gồm: nguồn vốn trong nước (ngân sách nhà nước, doanh nghiệp tự đầu tư, vốn tín dụng (nhà nước và thương mại), vốn của dân cư, doanh nghiệp tư nhân) và nguồn vốn nước ngoài. Trên cơ sở nguồn thu ngân sách nhà nước, tăng cường hiệu quả sản xuất - kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước đã được sắp xếp, cổ phần hoá. Cải cách các thủ tục cho vay, tạo sự bình đẳng trong tiếp cận các nguồn vốn giữa doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác. Phát triển các doanh nghiệp dân doanh và có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp này đầu tư phát triển. Mặt khác, tiếp tục tạo môi trường đầu tư thuận lợi, tăng cường

hoạt động xúc tiến đầu tư để thu hút mạnh các dự án FDI, ODA, vốn của các tổ chức phi chính phủ (NGOs); chủ động xúc tiến đầu tư, quảng bá với các quốc gia trong khu vực và thế giới.

Bốn là, tăng cường công tác quản lý đầu tư và xây dựng, chống lãng phí, tiêu cực trong xây dựng cơ bản để đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư. Tỉnh tiếp tục nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách về đầu tư xây dựng, cải cách thủ tục, phân cấp quản lý đầu tư xây dựng hợp lý hơn. Lãnh mạnh hoá thị trường xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch và pháp luật. Từng bước xây dựng hoàn chỉnh hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh. Quản lý tốt việc xây dựng các công trình xây dựng nhà ở, nhà máy, công trình kiến trúc, quy hoạch theo pháp luật. Thực hiện giám sát cộng đồng đối với các dự án đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách và vốn xã hội hoá (điện, giao thông, giáo dục...). Đồng thời, quản lý chặt trong từng khâu, từng giai đoạn cụ thể của dự án để chống lãng phí, thất thoát trong xây dựng cơ bản và tạo chuyển biến về hiệu quả trong đầu tư phát triển. Thực hiện tốt công tác quản lý sau đầu tư nhằm phát huy hiệu quả, lợi ích công trình.

Năm là, nâng cao hiệu quả QLNN về kinh tế ở các cấp, các ngành. Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính theo hướng đơn giản, thuận tiện, nhanh gọn, đảm bảo yêu cầu QLNN về kinh tế, đồng thời phân cấp quản lý trên một số lĩnh vực cho địa phương như mở rộng phân cấp quản lý thuế cho các huyện, thị xã và thành phố Biên Hoà về lĩnh vực thu đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, các đơn vị xây dựng cơ bản vãng lai trên
(Xem tiếp trang 39).

chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh và cấp huyện phù hợp với quy định của Nhà nước và tình hình thực tế tại địa phương. Xác định biên chế các đơn vị hành chính, sự nghiệp theo hướng hợp lý, phù hợp với cơ cấu tổ chức đã được sắp xếp lại theo chức danh và tiêu chuẩn cụ thể của CB,CC các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.

Đẩy mạnh việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính nhà nước và phục vụ nhân dân. Khuyến khích các cấp, các ngành triển khai ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 trong QLNN và cung cấp dịch vụ hành chính công.

Ba là, thực hiện kế hoạch ĐT,BD CB,CC hàng năm, tiến đến chuẩn hoá đội

ngũ CB,CC của tỉnh, nhất là đối với cán bộ ở cơ sở. Đẩy mạnh thực hiện chương trình đào tạo 200 tiến sĩ và 300 thạc sĩ giai đoạn 2003-2005.

Bốn là, tiến hành sơ kết và đẩy mạnh việc triển khai thực hiện Nghị định số 10/2002/NĐ-CP về chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu, mở rộng việc khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các đơn vị hành chính theo Quyết định số 192/2001/QĐ-TTg đến tất cả các đơn vị chưa thực hiện trong tỉnh. Nghiên cứu thực hiện tách dịch vụ công với hành chính công trong các cơ quan hành chính nhà nước, từng bước thực hiện xã hội hoá các dịch vụ công phù hợp với chủ trương của Nhà nước và nội dung phân cấp quản lý của tỉnh □

* * * * *

ĐỒNG NAI PHÁT HUY LỢI THẾ...

(Tiếp theo trang 34)

địa bàn. Thực hiện uỷ nhiệm thu đối với các hộ kinh doanh đã được khoán ổn định và một số loại thuế, thu khác cho các xã, phường. Thực hiện cải cách thủ tục về thuế và các quy trình nghiệp vụ quản lý thuế. Mặt khác, tiếp tục nghiên cứu, đề xuất phân cấp quyết định đầu tư xây dựng cơ bản cho các huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường, thị trấn.

Sáu là, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Thực hiện tốt dự án đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế- xã hội; ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ phục vụ sản xuất và đời sống.

Giải quyết tốt các vấn đề xã hội (việc

làm, xoá đói, giảm nghèo, chăm lo các đối tượng chính sách, nâng cao đời sống đồng bào dân tộc thiểu số, chăm sóc sức khoẻ nhân dân...). Nâng cao chất lượng giáo dục, hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao. Đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở địa bàn dân cư thật sự bền vững, lành mạnh. Phấn đấu đến cuối năm 2005, toàn tỉnh có 70% ấp, khu phố văn hoá, 100% cơ quan, đơn vị văn hoá, 80% doanh nghiệp có đời sống văn hoá. Đồng thời, giữ vững an ninh chính trị, chủ động phòng, chống các loại tội phạm; ổn định trật tự an toàn xã hội. Thực hiện tốt công tác an toàn giao thông, giảm mạnh các tệ nạn xã hội, tội phạm hình sự trên địa bàn □